TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Văn Tâm;
Ông Ngô Văn Cường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị L (tên gọi khác Sa R), sinh năm 1980, cư trú: t6, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974, cư trú: t23, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 3 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông B tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2002, đến năm 2009 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2009, ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A. Sau khi cưới chung sống với nhau thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông B có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, không

hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà L yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thảo U, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2003 và Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011. Hiện tại do bà L nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn B đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thị Thảo U và Nguyễn Thị Thảo D: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ Huỳnh Thị L.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy quá trình chung sống giữa bà L và ông B có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn sống chung từ năm 2014. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

+ Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thảo U, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2003 và Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011. Cháu Uyên và Duyên có nguyện vọng được sống với mẹ. Mặc khác, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần tiếp tục giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà L không yêu cầu, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B vắng mặt. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L

vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn B có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà L và ông B sống và có con chung từ năm 2002, nhưng đến ngày 09 tháng 12 năm 2009 mới đăng ký kết hôn theo bản theo bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A. Tuy nhiên, thì bà L và ông B vẫn đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy giữa bà L và ông B đã xảy ra mâu thuẫn, không con chung sống với nhau từ năm 2014, theo kết quả xác minh ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại ấp T, xã T xác định *"...thì bà L và ông B có xảy ra mâu thuẫn, khoảng năm 2014 ông B đi Bình Dương ...., chỉ còn một mình bà Huỳnh Thị L sống tại nhà ở ấp T"*. Như vậy, thấy rằng giữa bà L và ông B đã bỏ mặt không còn quan tâm lẫn nhau, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Huỳnh Thị L xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thảo U, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2003 và Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà L nuôi dưỡng và các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, cần giao con chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Thị Thảo U, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2003 và Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011 cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn B quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014614 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà L đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2009, *ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã T;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ